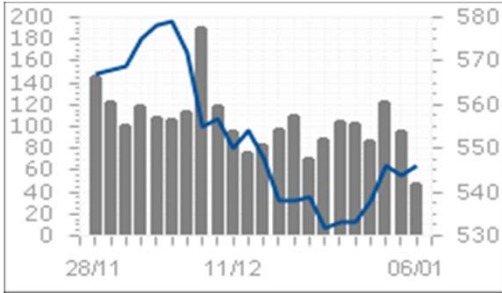


HOSE 06/01/2015

VNINDEX	549.66	5.21	0.96%
KLGD	112,316,461	CP	
GTGD	1,949.10	Tỷ	
GTR NDTNN	45.17	Tỷ	
CP Tăng giá	131	CP	
CP Giảm giá	85	CP	
CP Đứng giá	88	CP	

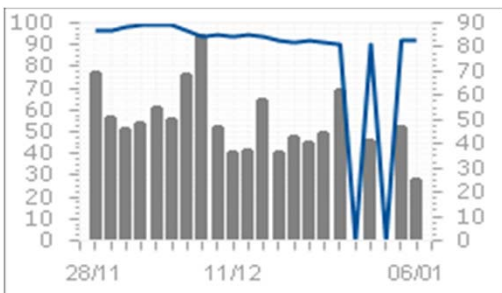


Tâm điểm

- ▶ **Cổ phiếu Ngân hàng tăng mạnh giúp thị trường hồi phục**
- ▶ **Thanh khoản gia tăng nhưng vẫn thấp hơn mức BQ 30 phiên**
 NĐT NN tiếp tục mua ròng trên cả 2 sàn
- ▶ **Khối ngoại chuộng Việt Nam vì tăng trưởng nhanh**
 NĐTNN tự tin vào tăng lớp nhà tiêu dùng trẻ Việt Nam ngày càng gia tăng
 Gafin
- ▶ **GDP của Việt Nam năm 2015 sẽ đạt 6,1%**
 Theo báo cáo của HSBC về Kinh tế Vĩ Mô tháng 1/2015
 HSBC
- ▶ **Brazil bị thâm hụt thương mại lần đầu tiên kể từ năm 2000**
 Năm 2014 nước này bị nhập siêu 3,93 tỷ USD
 Bloomberg
- ▶ **Niên độ 2013-2014, HLA lỗ vượt 27% vốn điều lệ**
 HLA đang có nguy cơ bị hủy niêm yết
 HLA
- ▶ **HSG: Tiếp tục mở rộng mạng lưới và "lấn sân" sang Logistics**
 DVO

HNX 06/1/2015

HNXINDEX	83.81	1.07	1.30%
KLGD	53,770,710	CP	
GTGD	627.63	Tỷ	
GTR NDTNN	4.43	Tỷ	
CP Tăng giá	127	CP	
CP Giảm giá	65	CP	
CP Đứng giá	187	CP	



Thị trường / Ngành

Thị trường / Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	984,712	13.3	2.6	17.9%	9.2%
HNX	137,963	13.2	1.7	8.8%	4.2%
Toàn bộ thị trường	1,122,675	13.7	2.6	17.7%	8.8%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	6,911	6.7	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	21,791	9.4	1.5	17.0%	10.7%
Thép và sản phẩm thép	37,199	12.7	1.9	22.4%	10.7%
Khai khoáng	12,395	88.7	6.3	-4.1%	-3.4%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,624	14.1	1.5	13.7%	7.6%
Xây dựng	30,899	29.8	1.1	0.7%	2.3%
Máy công nghiệp	8,651	8.7	1.3	15.2%	10.4%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,344	8.2	1.5	18.6%	13.6%
Lốp xe	8,170	10.5	2.8	25.5%	11.0%
Nuôi trồng nông & hải sản	23,271	10.9	2.1	22.6%	7.6%
Thực phẩm	185,614	23.8	4.4	18.3%	14.1%
Dược phẩm	15,738	12.5	2.8	22.3%	14.8%
Phần mềm	16,743	10.0	2.1	21.7%	9.0%
Sản xuất & phân phối điện	30,332	10.5	1.6	15.7%	7.3%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	136,530	11.2	3.6	32.3%	21.9%
Bảo hiểm nhân thọ	22,660	18.0	1.9	10.4%	2.2%
Môi giới chứng khoán	25,493	10.9	1.4	10.9%	7.4%
Ngân hàng	247,077	11.7	1.3	10.2%	0.9%
Bất động sản	157,777	15.5	2.5	17.6%	4.5%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	32,445	7.3	1.5	21.9%	9.3%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30	606.37	6.68	1.11%
HNX30	163.14	3.43	2.15%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

Khởi ngoại chuộng Việt Nam vì tăng trưởng nhanh

GDP của Việt Nam năm 2015 sẽ đạt 6,1%

Brazil bị thâm hụt thương mại lần đầu tiên kể từ năm 2000

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

Niên độ 2013-2014, HLA lỗ vượt 27% vốn điều lệ

HSG: Tiếp tục mở rộng mạng lưới và "lấn sân" sang Logistics

Sacomreal ước tính lợi nhuận năm 2014 đạt 64 tỷ đồng

► Tin kinh tế

Theo Forbes, kế hoạch nói "room" ngoại của Việt Nam có thể dời đến cuối năm nay, thậm chí qua năm 2016. Giới đầu tư ngoại theo đó vẫn chưa có ý định rút chân khỏi thị trường. Giới đầu tư ngoại chuộng Việt Nam vì tăng trưởng nhanh - ước đạt 5,7% vào năm 2016 theo Ngân hàng Asian Development Bank, đặc biệt khi thị trường này còn nổi lên như một cơ sở sản xuất xuất khẩu giá rẻ. Các NĐTNN cũng tự tin vào tầng lớp người tiêu dùng trẻ ngày một gia tăng của Việt Nam.

Ngày 6-1, HSBC công bố bản báo cáo Kinh tế vĩ mô - Triển vọng kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 1- 2015 với kết quả, hoạt động sản xuất công nghiệp phục hồi. Theo HSBC, sản lượng công nghiệp thúc đẩy nền kinh tế trong quý IV-2014 tăng trưởng 6,8% so với cùng kỳ năm ngoái, giúp tăng trưởng chung của nền kinh tế trong năm 2014 đạt 6%. HSBC kỳ vọng GDP sẽ đạt mức 6,1% trong năm 2015 nhờ vào nhu cầu đến từ Mỹ tăng mạnh hơn, chi phí đầu vào thấp hơn và tiêu dùng trong nước tốt hơn. Tuy nhiên, thâm hụt tài chính vẫn còn khá lớn. Năm 2015 có thể được đánh giá sẽ là một năm khó khăn. Việt Nam là quốc gia chú trọng xuất khẩu trong khi nhu cầu toàn cầu lại đang chậm lại. Giá dầu giảm cũng làm hạn chế nguồn thu ngân sách và thu nhập xuất khẩu chủ lực của Việt Nam.

Bộ phát triển, công nghiệp và ngoại thương Brazil ngày 5/1 thông báo năm 2014 nước này bị nhập siêu 3,93 tỷ USD. Đây là lần đầu tiên kể từ năm 2000 nền kinh tế lớn thứ 7 thế giới này bị thâm hụt thương mại. Đây cũng là mức nhập siêu lớn nhất kể từ năm 1998, khi Brazil bị thâm hụt hơn 6,6 tỷ USD trong trao đổi ngoại thương. Năm ngoái xuất khẩu của nền kinh tế lớn nhất Mỹ Latinh này đạt 225,101 tỷ USD, trong khi nhập khẩu ở mức 229,031 tỷ USD, giảm tương ứng 7% và 4,4% so với năm 2013. Trước đó, các chuyên gia dự báo Brazil bị nhập siêu, tuy nhiên mức thâm hụt cao hơn dự đoán.

► Tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu (HOSE: Mã HLA) đã công bố BCTC quý IV niên độ tài chính 2013- 2014 với số lỗ 23,7 tỷ đồng trong quý IV và lỗ gần 476 tỷ đồng (sau kiểm toán) cả năm 2014. Ban lãnh đạo công ty cho biết, tình hình tài chính của HLA đang gặp khó khăn, hoạt động kinh doanh liên tục thua lỗ. Để giải quyết tình hình khó khăn, trong Quý IV/2014, Công ty đã chủ động giải phóng hàng tồn kho; tích cực đàm phán với các Ngân hàng, các chủ nợ về việc xin giãn thời gian trả nợ và tiếp tục cho vay để hỗ trợ công ty. Đến cuối quý IV của NĐTTC 2013-2014, vốn điều lệ của HLA là 344,6 tỷ đồng. Với số lỗ vượt tới 27%, theo quy định của UBCKNN, khi tổng số lỗ lũy kế vượt quá số vốn điều lệ thực góp trong BCTC năm gần nhất, HLA sẽ bị hủy niêm yết.

ĐHCĐ thường niên năm 2015 sẽ được CTCP Tập đoàn Hoa Sen (mã HSG- HOSE) tổ chức vào ngày 19/1 tới. Những nội dung về kế hoạch kinh doanh, mức cổ tức chi trả và bổ sung ngành nghề kinh doanh.. sẽ được HSG xin ý kiến cổ đông trong buổi họp ĐHCĐ này. Để đạt mục tiêu 5 năm giai đoạn 2013 – 2017 đạt sản lượng tiêu thụ 1 triệu tấn và doanh thu 1 tỷ USD, HSG đã lên kế hoạch cho NĐTTC 2014 – 2015 với sản lượng, doanh thu và lợi nhuận đều tăng trưởng so với các năm trước. Với giá định giá thép cán nóng NĐTTC 2014 - 2015 là 500 USD/ tấn, HSG dự kiến thu về 16.500 tỷ đồng doanh thu và 450 tỷ đồng lợi nhuận.

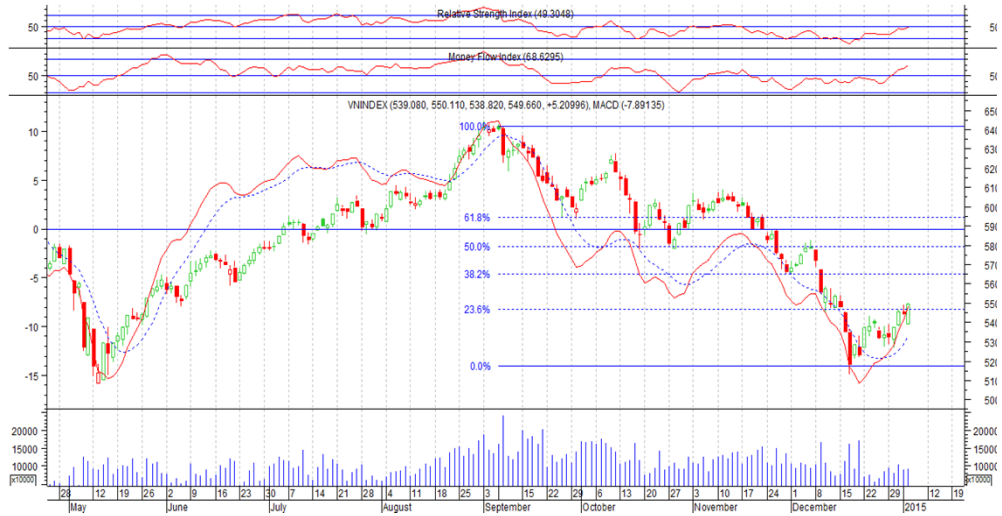
Ông Nguyễn Ngọc Thắng - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín SCR cho biết trong quý 4/2014, Sacomreal sẽ ghi nhận lợi nhuận từ dự án Bình Khánh, dự án Belleza, dự kiến khoảng 35 tỷ đồng. Như vậy, theo ông Thắng, lợi nhuận năm 2014 của Sacomreal vào khoảng 64 tỷ đồng. Công ty đặt kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2014 là 55,7 tỷ đồng, thấp hơn 40% so với lợi nhuận trước thuế năm 2013. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2014, Sacomreal ghi nhận doanh thu hơn 570 tỷ đồng, giảm nhẹ so cùng kỳ. Lãi trước thuế là gần 38 tỷ đồng, gấp 2.4 lần cùng kỳ năm 2013.

HOSE 06/01/2015 VNINDEX 549.66 5.21 0.96% 112,316,461 CP 1,949.10 bil VND

Cổ phiếu Ngân hàng tăng mạnh giúp thị trường hồi phục

VN-Index tăng 5.21 điểm (+ 0.96%), đóng cửa tại mức 549,66 điểm. VN-Index đã chính thức bứt khỏi ngưỡng cản tại Fibonacci 23.6%.

- MACD đã bứt tăng và vượt khỏi đường tín hiệu.
- Chỉ số dòng tiền MFI vẫn tiếp tục tăng nhẹ mặc dù RSI đi ngang.
- Khối lượng giao dịch tăng so với phiên hôm qua cho thấy lực cầu đã mạnh lên.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.1 (0.9%)	9,160,450
ITA	0.2 (2.5%)	6,844,850
VHG	0.8 (6.7%)	6,278,740
OGC	0.1 (1.4%)	5,625,480
KBC	0.6 (3.8%)	3,422,000

HOSE Top 5 theo % tăng

VNE	0.7 (6.9%)	1,005,970
VNG	0.9 (6.9%)	850
VCF	12 (6.9%)	24,010
VHG	0.8 (6.7%)	6,278,740
MCP	1 (6.7%)	170

HOSE Top 5 theo % giảm

RDP	-1.2 (-6.8%)	30
D2D	-2.3 (-6.6%)	19,280
GDT	-2.4 (-6.6%)	5,130
AGF	-1.4 (-6.6%)	3,340
KAC	-0.9 (-6.3%)	10

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

DLG	41,6 tỷ	4,000,000
MSN	8,1 tỷ	96,020
VCB	6,8 tỷ	204,610
STB	3,8 tỷ	215,560
PPC	3,6 tỷ	134,180

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

KDC	-23,7 tỷ	476,490
BVH	-5,3 tỷ	160,040
DPM	-4,4 tỷ	137,370
HVG	-1,1 tỷ	42,990
GAS	-0,8 tỷ	12,510

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	4,459,340	45.17

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ VN-Index giảm điểm đầu phiên giao dịch từ thông tin giá dầu thế giới tiếp tục sụt giảm nhưng đã phục hồi vào buổi chiều.
- ▶ KLGD tăng lên 112 triệu đơn vị, tương đương với giá trị giao dịch đạt 1.949 tỷ đồng. Đáng chú ý là FLC, VHG, ITA... dẫn đầu về khối lượng
- ▶ Các cổ phiếu dầu khí giảm điểm trong khi cổ phiếu ngân hàng đồng loạt tăng điểm, trở thành lực đỡ cho thị trường.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục mua ròng phiên thứ 10 với giá trị mua ròng đạt 45,1 tỷ. Và mua ròng lớn nhất ở các mã như DLG, STB, VCB, HAG, PPC
- ▶ Nhận định: Thị trường giao dịch ở nền tảng mới, nhà đầu tư có thể mua dần cổ phiếu tốt trong những phiên điều chỉnh

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	68.0	128,860.00	11.3	3.7	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	96.0	96,011.39	16.5	5.3	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	34.0	90,610.69	18.5	2.0	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	47.8	69,527.73	17.8	3.8	21.1%	4.6%
MSN	735.8	84.5	62,175.79	- 483.0	4.3	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	14.0	52,127.66	9.5	1.0	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	13.2	37,107.87	8.2	1.1	13.6%	0.8%
HPG	481.9	53.5	25,782.09	8.1	2.2	30.2%	14.7%
BVH	680.5	33.4	22,727.75	18.0	1.9	10.4%	2.2%
STB	1,142.5	17.8	20,336.71	8.2	1.1	14.3%	1.4%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	100.1	10.8	1,080.72	13.6	0.9	NA	TH.DOI
HBC	53.4	15.3	816.96	22.5	0.9	NA	TH.DOI
CII	115.6	20.4	2,357.57	7.3	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	75.5	3,433.63	9.3	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.9	722.93	5.9	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	20.7	571.53	1.8	0.9	NA	TH.DOI

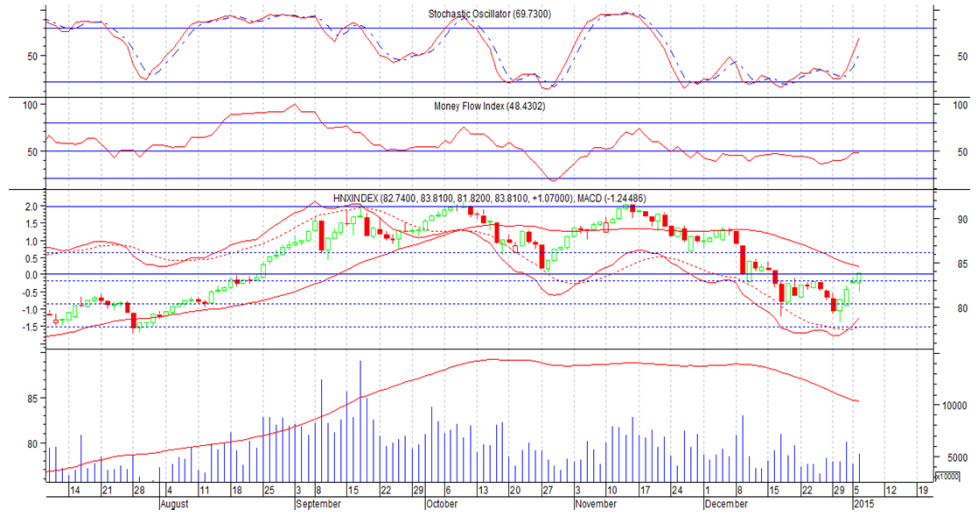
HNX 06/01/2015 HNX-Index 83.81 1.07 1.30% 53,770,710 CP 627.63 bil. VND

Cổ phiếu Ngân hàng tăng mạnh giúp thị trường hồi phục

Chỉ số HNX-Index tăng 1.07 điểm (1.3%), đóng cửa tại mốc 83.81 điểm. Nền Hammer hình thành tại ngưỡng kháng cự mạnh của Fibonacci cho thấy khả năng có thể HNX-Index vượt qua được ngưỡng này.

- Stochastic Oscillator tăng mạnh, MFI tăng nhẹ gần mức 50
- MACD vẫn tiếp tục tăng cho tín hiệu tích cực.

'-HNX-Index sẽ tiếp tục test lại ngưỡng kháng cự



HNX Top 5 theo KLGD

KLF	0.6 (5.5%)	11,772,090
PVX	0 (0.0%)	5,577,430
SHB	0.4 (4.9%)	4,650,690
SCR	0.3 (3.3%)	4,580,050
HUT	0.8 (5.8%)	2,315,780

HNX Top 5 theo % tăng

CTB	4.5 (14.8%)	-
SJE	1.7 (10.0%)	200
HNM	1.4 (9.9%)	347,530
KTS	1.2 (9.8%)	600
VIX	2 (9.8%)	877,200

HNX Top 5 theo % giảm

VE1	-0.4 (-10.0%)	9,700
ARM	-2.7 (-9.9%)	400
TMX	-1.2 (-9.8%)	100
TET	-1.9 (-9.7%)	2,080
SPI	-0.7 (-9.3%)	200

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	2,2 tỷ	85,500
VCG	1,5 tỷ	120,900
VIX	1,4 tỷ	70,600
SHB	1,3 tỷ	152,100
MAS	0,5 tỷ	6,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

SCR	-1,1 tỷ	122,400
LAS	-1,0 tỷ	29,100
VND	-0,6 tỷ	50,000
TNG	-0,2 tỷ	11,300
BVS	-0,2 tỷ	12,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	238,420	4.43

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Mở cửa trong sắc đỏ, HNX có lúc lùi xuống 82 điểm trước khi hồi phục lên tham chiếu, khởi sắc thành công nên chốt phiên HNX-Index tăng mạnh.
- ▶ Thanh khoản cuối phiên tăng đáng kể so với phiên sáng do vậy KLGD tăng so với phiên hôm qua đạt 53 triệu đơn vị đạt 627,6 tỷ đồng.
- ▶ Nhóm cổ phiếu chủ chốt duy chỉ PVS giảm 400 đồng, PVX tham chiếu, VCG tăng 600 đồng, VND tăng 500 đồng, BVS và SHB tăng 400 đồng...
- ▶ Khối ngoại tiếp tục mua ròng nhẹ, giá trị mua ròng đạt 4.43 tỷ. Các cổ phiếu được mua ròng nhiều là PVS, VCG, VIX... bán ròng nhiều là SCR, LAS...
- ▶ Nhận định: Thị trường giao dịch ở nền tảng mới, nhà đầu tư có thể mua dần cổ phiếu tốt trong những phiên điều chỉnh

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA	
ACB	909.8	15.5	14,101.60	25.8	1.1	4.4%	0.3%	
PVS	446.7	25.6	11,435.53	7.0	1.3	19.6%	6.6%	
SQC	107.3	80.0	8,583.92	-	69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.5	7,531.71	8.9	0.7	7.7%	0.6%	
VCG	441.7	13.0	5,742.24	8.3	1.0	11.8%	2.9%	
OCH	200.0	25.1	5,020.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%	
PVI	225.2	17.8	4,007.82	12.8	0.7	5.1%	1.8%	
VNR	131.1	22.9	3,001.64	9.4	1.2	12.8%	5.4%	
NTP	56.3	53.0	2,985.98	7.6	2.2	23.4%	14.9%	
LAS	77.8	35.3	2,747.47	7.6	2.2	25.6%	14.6%	

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	26.2	995.60	6.2	1.1	NA	TH.DOI
AAA	39.6	14.0	554.40	5.2	1.0	NA	TH.DOI
VND	155.0	13.0	2,014.98	10.9	1.1	NA	TH.DOI
NTP	56.3	53.0	2,985.98	7.6	2.2	NA	TH.DOI
PVC	50.0	23.9	1,195.00	6.1	1.3	NA	TH.DOI
DXP	7.9	40.0	315.00	7.9	1.5	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,175.79	15.22%	84.5	- 483.00	4.29	333,416	299,677	219,575
VIC	HOSE	1,454.6	69,527.73	12.53%	47.8	17.83	3.76	760,054	925,278	1,182,724
PVD	HOSE	303.0	18,030.70	11.71%	59.5	7.71	1.67	888,394	1,147,274	808,086
HPG	HOSE	481.9	25,782.09	11.57%	53.5	8.08	2.23	376,038	470,013	511,528
HAG	HOSE	789.9	17,772.73	7.45%	22.5	9.32	1.21	2,629,625	3,054,875	3,215,906
KDC	HOSE	255.2	12,758.06	7.00%	50.0	20.77	1.90	1,026,185	1,131,892	1,065,774
STB	HOSE	1,142.5	20,336.71	5.69%	17.8	8.16	1.13	3,939,910	2,249,334	946,165
VCB	HOSE	2,665.0	90,610.69	5.16%	34.0	18.49	1.97	1,331,419	1,105,272	560,905
DPM	HOSE	379.9	12,195.89	4.04%	32.1	9.90	1.29	620,923	776,420	626,918
KBC	HOSE	389.8	6,314.12	2.83%	16.2	14.42	1.17	2,367,345	2,463,897	3,950,140
ITA	HOSE	718.9	5,895.03	2.64%	8.2	47.10	0.73	5,218,277	5,650,671	5,610,248
HSG	HOSE	96.3	4,526.72	1.95%	47.0	11.04	1.90	41,502	117,253	224,173
BVH	HOSE	680.5	22,727.75	1.83%	33.4	18.03	1.89	650,387	423,354	278,542
HVG	HOSE	132.0	3,563.99	1.55%	27.0	12.09	1.46	796,085	1,061,873	1,345,003
FLC	HOSE	314.9	3,495.32	1.53%	11.1	6.45	0.91	10,612,734	11,083,031	14,188,550
PPC	HOSE	318.2	9,035.59	1.47%	28.4	11.84	1.60	949,095	876,741	465,948
DRC	HOSE	83.1	4,652.14	1.41%	56.0	13.46	3.25	217,405	158,145	114,721
PVT	HOSE	255.9	3,582.01	1.37%	14.0	11.78	1.14	2,855,732	2,836,783	2,341,383
CSM	HOSE	67.3	2,812.81	1.32%	41.8	8.02	2.20	81,682	65,244	102,529
VSH	HOSE	206.2	2,825.51	1.16%	13.7	19.15	1.04	926,877	610,757	500,586
OGC	HOSE	300.0	2,220.00	0.56%	7.4	12.70	0.67	6,491,983	5,933,613	6,010,125

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,175.79	8.53%	84.5	- 483.00	4.29	333,416	299,677	219,575
VIC	HOSE	1,454.6	69,527.73	7.57%	47.8	17.83	3.76	760,054	925,278	1,182,724
VCB	HOSE	2,665.0	90,610.69	7.13%	34.0	18.49	1.97	1,331,419	1,105,272	560,905
STB	HOSE	1,142.5	20,336.71	6.62%	17.8	8.16	1.13	3,939,910	2,249,334	946,165
PVS	HNX	446.7	11,435.53	5.75%	25.6	7.00	1.33	2,483,679	3,310,646	2,616,202
BVH	HOSE	680.5	22,727.75	4.51%	33.4	18.03	1.89	650,387	423,354	278,542
DPM	HOSE	379.9	12,195.89	4.25%	32.1	9.90	1.29	620,923	776,420	626,918
HAG	HOSE	789.9	17,772.73	4.04%	22.5	9.32	1.21	2,629,625	3,054,875	3,215,906
PVD	HOSE	303.0	18,030.70	3.90%	59.5	7.71	1.67	888,394	1,147,274	808,086
PPC	HOSE	318.2	9,035.59	3.14%	28.4	11.84	1.60	949,095	876,741	465,948
ITA	HOSE	718.9	5,895.03	3.29%	8.2	47.10	0.73	5,218,277	5,650,671	5,610,248
FLC	HOSE	314.9	3,495.32	2.85%	11.1	6.45	0.91	10,612,734	11,083,031	14,188,550
SHB	HNX	886.1	7,531.71	2.54%	8.5	8.87	0.69	4,968,710	4,478,433	3,774,919
VCG	HNX	441.7	5,742.24	2.12%	13.0	8.29	0.97	1,272,342	1,517,641	1,450,788
PVT	HOSE	255.9	3,582.01	1.78%	14.0	11.78	1.14	2,855,732	2,836,783	2,341,383
OGC	HOSE	300.0	2,220.00	143.00%	7.4	12.70	0.67	6,491,983	5,933,613	6,010,125
DRC	HOSE	83.1	4,652.14	1.00%	56.0	13.46	3.25	217,405	158,145	114,721
IJC	HOSE	274.2	3,783.88	0.65%	13.8	22.66	1.33	347,383	575,933	590,040
PVX	HNX	400.0	2,080.00	0.00%	5.2	- 2.27	2.25	5,082,307	5,008,760	5,743,814

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	69,527.73	0.00%	47.8	17.83	3.76	760,054	925,278	1,182,724
MSN	HOSE	735.8	62,175.79	0.00%	84.5	- 483.00	4.29	333,416	299,677	219,575
DPM	HOSE	379.9	12,195.89	0.00%	32.1	9.90	1.29	620,923	776,420	626,918
HAG	HOSE	789.9	17,772.73	0.00%	22.5	9.32	1.21	2,629,625	3,054,875	3,215,906
VCB	HOSE	2,665.0	90,610.69	0.00%	34.0	18.49	1.97	1,331,419	1,105,272	560,905
STB	HOSE	1,142.5	20,336.71	0.00%	17.8	8.16	1.13	3,939,910	2,249,334	946,165
BVH	HOSE	680.5	22,727.75	0.00%	33.4	18.03	1.89	650,387	423,354	278,542
CTG	HOSE	3,723.4	52,127.66	0.00%	14.0	9.53	0.95	144,869	201,584	242,459
GAS	HOSE	1,895.0	128,860.00	0.00%	68.0	11.34	3.70	420,516	642,958	506,077

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,175.79	4.01%	84.5	- 483.00	4.29	333,416	299,677	219,575
VIC	HOSE	1,454.6	69,527.73	2.27%	47.8	17.83	3.76	760,054	925,278	1,182,724
PVD	HOSE	303.0	18,030.70	4.39%	59.5	7.71	1.67	888,394	1,147,274	808,086
STB	HOSE	1,142.5	20,336.71	0.89%	17.8	8.16	1.13	3,939,910	2,249,334	946,165
VCB	HOSE	2,665.0	90,610.69	1.28%	34.0	18.49	1.97	1,331,419	1,105,272	560,905
BVH	HOSE	680.5	22,727.75	1.79%	33.4	18.03	1.89	650,387	423,354	278,542

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **01/12/2010** SLCKVN: **4,752.96 mil.**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,911	6.7	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,791	9.4	1.5	17.0%	10.7%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	3,032	14.8	0.9	5.7%	2.2%
Sản xuất giấy	863	6.2	1.0	14.4%	7.9%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	37,199	12.7	1.9	22.4%	10.7%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,963	3.6	1.0	21.5%	5.2%
Khai khoáng	12,395	88.7	6.3	-4.1%	-3.4%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,624	14.1	1.5	13.7%	7.6%
Xây dựng	30,899	29.8	1.1	0.7%	2.3%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,133	9.3	1.1	15.9%	7.9%
Công nghiệp phức hợp	983	6.5	1.0	17.0%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	2,619	8.0	1.5	18.7%	6.5%
Thiết bị điện	2,226	34.2	1.8	3.7%	1.1%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	72	23.6	1.0	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,651	8.7	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,236	2.8	0.9	4.7%	1.5%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,344	8.2	1.5	18.6%	13.6%
Dịch vụ vận tải	6,852	5.9	1.6	23.0%	13.2%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,603	18.2	1.8	8.7%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	239	12.4	0.8	7.0%	2.6%
Nhà cung cấp thiết bị	201	9.2	1.0	13.0%	5.0%
Chất thải & Môi trường	210	3.2	1.0	33.8%	15.7%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,261	13.5	1.3	14.7%	7.3%
Lốp xe	8,170	10.5	2.8	25.5%	11.0%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,851	8.2	1.4	18.0%	9.6%
Vang & Rượu mạnh	320	16.1	2.2	14.8%	9.9%
Đồ uống & giải khát	233	6.5	1.2	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	23,271	10.9	2.1	22.6%	7.6%
Thực phẩm	185,614	23.8	4.4	18.3%	14.1%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	64	18.0	0.8	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	2,723	7.4	1.3	19.0%	9.1%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	538	64.9	1.4	2.6%	1.8%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,596	8.2	1.6	19.4%	7.6%
Giày dép	11	1.6	0.7	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,250	10.5	2.0	18.8%	9.6%
Thuốc lá					
Thuốc lá	797	11.8	1.1	2.5%	4.5%

06 January 2015

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,969	10.0	1.1	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	167	3.5	1.8	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	212	9.1	1.2	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,738	12.5	2.8	22.3%	14.8%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	212	33.7	0.7	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	736	10.2	1.2	13.8%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,641	9.1	1.6	18.8%	3.6%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,133	9.3	1.0	10.1%	6.7%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,646	55.4	2.4	3.9%	2.3%
Dịch vụ giải trí	3,474	20.6	1.3	10.4%	8.6%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,654	17.9	3.3	23.3%	20.0%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	719	10.7	0.9	8.8%	3.3%
Internet	437	92.2	1.1	1.1%	0.2%
Phần mềm	16,743	10.0	2.1	21.7%	9.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	467	15.9	0.8	4.6%	1.8%
Thiết bị văn phòng	293	5.6	1.0	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	14,544	37.6	7.9	34.6%	11.6%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	30,332	10.5	1.6	15.7%	7.3%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	136,530	11.2	3.6	32.3%	21.9%
Nước	1,238	6.6	1.1	16.9%	11.7%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,485	8.9	1.0	11.1%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,667	11.4	0.7	6.6%	2.5%
Tái bảo hiểm	3,002	9.4	1.2	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	22,660	18.0	1.9	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,965	8.4	1.2	17.6%	11.9%
Môi giới chứng khoán	25,493	10.9	1.4	10.9%	7.4%
Ngân hàng					
Ngân hàng	247,077	11.7	1.3	10.2%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	157,777	15.5	2.5	17.6%	4.5%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	9	2.3	0.6	32.7%	12.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	32,445	7.3	1.5	21.9%	9.3%

- ▶ **Nguyễn Hữu Quang** **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương** thuphuong@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng** hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Dược phẩm
- Phân bón
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc** sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt** nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Cao su
- Thủy sản
- Dệt may
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.